

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PR
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ- ST

Ngày 07/10/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PR, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Khả T.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Công C;**

2. Ông **Nguyễn Ngọc B.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thùy Nhung** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân **huyện Chư Pr**, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pr, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Sỹ K**– Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân **huyện Chư Pr**, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự, thụ lý số: 54/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2022.Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 36/2022/QĐST- HNGĐ, ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị k**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Pác Bó, xã Ia Lâu, **huyện Chư Pr**, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

-Bị đơn: Anh **Lương Văn H**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Pác Bó, xã Ia Lâu, **huyện Chư Pr**, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn chị **Lưu Thị k** trình bày: Chị và anh **Lương Văn H** tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư A Mung, huyện Ea H’Leo, tỉnh Đắk Lắk, ngày 30 tháng 7 năm 2012. Bước đầu sống chung hạnh phúc. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị và anh Hội bất đồng quan điểm sống, anh Hội thường xuyên tụ tập bàn bẻ ăn nhậu, không lo làm ăn, mỗi lần đi nhậu về là anh Hội lại chửi bới và có những lời lẽ xúc phạm chị nên vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại, không quan tâm, chăm lo cho con cái và vun vén đời sống hạnh phúc gia đình, hiện tại chị Kim và anh Hội đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay, chị Kim xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn; Về con chung: Chị và anh **Lương Văn H** có 02 (hai) con chung tên là Lương Bảo Hân, sinh ngày 23/4/2013 hiện đang được chị nuôi dưỡng trực tiếp và Lương Tiến Đạt, sinh ngày 23/01/2017 hiện đang được anh Hội nuôi dưỡng trực tiếp, nguyện vọng của chị mong muốn được nuôi con chung là Lương Bảo Hân, sinh ngày 23/4/2013 và không yêu cầu anh Hội phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, chị đồng ý để anh Hội tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Lương Tiến Đạt, sinh ngày 23/01/2017 vì hiện cháu Đạt đang sinh sống cùng với anh Hội; Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung: Chị **Lưu Thị k** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn anh **Lương Văn H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh **Lương Văn H** không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị **Lưu Thị k**, anh Hội cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- **Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Pr tham gia phiên tòa – ông Nguyễn Sỹ K có ý kiến phát biểu như sau:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của các đương sự, chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

+ Thành phần Hội đồng xét xử: Các thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đều có mặt đầy đủ theo đúng thành phần, không có sự thay đổi thành phần của Hội đồng xét xử.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự về nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị **Lưu Thị k** và xử ly hôn giữa chị **Lưu Thị k** và anh **Lương Văn H**. Về con, đề nghị Hội đồng xét xử giao 01 (một) con chung tên là Lương Bảo Hân, sinh ngày 23/4/2013 (như nguyện vọng của con) cho chị **Lưu Thị k** tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh **Lương Văn H** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở; Giao 01 (một) con chung tên là Lương Tiến Đạt, sinh ngày 23/01/2017 cho anh **Lương Văn H** tiếp tục, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị **Lưu Thị k** được quyền đi lại thăm

nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở; Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn là chị **Lưu Thị k** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Lưu Thị k** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân **huyện Chư Pr**, tỉnh Gia Lai giải quyết cho ly hôn với anh **Lương Văn H**, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Anh **Lương Văn H** có nơi cư trú tại thôn Pác Bó, xã Ia Lâu, **huyện Chư Pr**, tỉnh Gia Lai, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân **huyện Chư Pr**, tỉnh Gia Lai. Anh **Lương Văn H** vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và tiến hành tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ cho anh **Lương Văn H** lần thứ nhất nhưng anh Hội vắng mặt không có lý do. Tòa án có quyết định hoãn phiên Tòa và tiến hành triệu tập hợp lệ anh Hội lần thứ hai, nhưng anh Hội vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Hội là phù hợp với điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy giữa chị **Lưu Thị k** và anh **Lương Văn H** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư A Mung, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk, ngày 30 tháng 7 năm 2012 là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị **Lưu Thị k** Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị **Lưu Thị k** và anh **Lương Văn H** có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, anh Hội thường xuyên chơi bời, không lo làm ăn, không quan tâm tới vợ con, hiện tại giữa chị **Lưu Thị k** và anh **Lương Văn H** đã sống ly thân, nhận thấy anh **Lương Văn H** không có ý chí để hàn gắn và hòa giải, đồng thời thôn trưởng là ông Hoàng Văn Cầu xác nhận giữa chị **Lưu Thị k** và anh **Lương Văn H** mâu thuẫn đã trầm trọng, bởi vậy đời sống chung của vợ chồng không được kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị **Lưu Thị k** xin ly hôn là có căn cứ, do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Lưu Thị k** là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị **Lưu Thị k** và anh **Lương Văn H** có 02 (hai) con chung tên là Lương Bảo Hân, sinh ngày 23/4/2013 (đang được chị Kim nuôi dưỡng trực tiếp) và Lương Tiến Đạt, sinh ngày 23/01/2017 (đang được chị Hội nuôi dưỡng trực tiếp), trong thời gian qua cả hai con chung đều có cuộc sống tốt, phát triển bình thường, tại bút lục số 65 ngày 18/7/2022 cháu Lương Bảo Hân có nguyện vọng được ở với mẹ là chị

Lưu Thị k và chị Kim cũng tha thiết mong được tiếp tục giữ nuôi con chung, vậy căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình:

Giao cho chị **Lưu Thị k** trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng một con chung tên là Lương Bảo Hân, sinh ngày 23/4/2013 (như nguyện vọng của con) đến tuổi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp. Anh **Lương Văn H** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Giao cho anh **Lương Văn H** trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng một con chung tên là Lương Tiến Đạt, sinh ngày 23/01/2017 đến tuổi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp.

Chị **Lưu Thị k** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của các cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về việc cấp dưỡng tiền nuôi con, chị **Lưu Thị k** không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và thanh toán nghĩa vụ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn là chị **Lưu Thị k** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong việc giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Lưu Thị k**.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử lý hôn giữa chị **Lưu Thị k** và anh **Lương Văn H**.

2. *Về nuôi con*:

Giao cho chị **Lưu Thị k** trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng một con chung tên là Lương Bảo Hân, sinh ngày 23/4/2013 (như nguyện vọng của con) đến tuổi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp.

Giao cho anh **Lương Văn H** trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng một con chung tên là Lương Tiến Đạt, sinh ngày 23/01/2017 đến tuổi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình là phù hợp.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị **Lưu Thị k** không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

4. *Về tài sản chung và các khoản nợ chung*: Chị **Lưu Thị k** không yêu cầu nên Tòa án không đặt vấn đề giải quyết.

5. *Về án phí sơ thẩm*: Nguyên đơn chị **Lưu Thị k** phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006412, ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự **huyện Chư Pr**, tỉnh Gia Lai. Chị **Lưu Thị k** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

6. *Quyền kháng cáo*: Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 07/10/2022, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn anh **Lương Văn H** được quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND **huyện Chư Pr**;
- Chi cục THADS **huyện Chư Pr**;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Ia Lâu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Khả T

CÁC VỊ HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA

TRẦN THỊ ĐỨC BÊ THỊ HỘI

LÊ KHẢ THẾ